

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2023/DS-ST**
Ngày: 20/3/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hội*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Tiến**

Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị **Phan Thị Ngọc V**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: số 511/9, đường t, phường L, thành phố R, Kiên Giang.

* ***Bị đơn:*** Chị **Đoàn Thị Phương T**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: số 236/33/6, đường N, phường B, thành phố R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc V thống nhất trình bày:

Bà Đoàn Thị Phương T có làm chủ một số dây hội, gồm có: hội ngày, hội 10 ngày, hội tháng và có nhiều người tham gia, trong đó tôi tham gia một số chân hội như sau:

- Hội tháng:

+ Hội 10.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 12 tháng 01 âm lịch năm 2021, chân hội này có 23 hội viên, tôi tham gia 01 phần, đóng được 04 lần thì chị T ngưng góp hội, số tiền tôi đã đóng như sau: lần 1 đóng 7.000.000 đồng; lần 2 đóng 6.400.000 đồng, lần 3 đóng 5.500.000 đồng, lần 4 đóng 5.500.000 đồng, tổng cộng là 24.400.000 đồng.

+ Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội mở ngày 18 tháng 4 âm lịch năm 2021, gồm có 18 hội viên, tôi tham gia 01 phần, mới đóng được lần đầu tiên thì chị T ngưng góp, số tiền 2.100.000 đồng.

- Hội 10 ngày xổ 01 lần: Hội 1.000.000 đồng/10 ngày (xổ ngày 10, 20, 30 trong tháng), hội mở ngày 01/4 âm lịch năm 2021, chân hội này không biết có bao nhiêu hội viên, tôi tham gia 04 phần, đóng được 03 lần thì chị T ngưng xổ hội, tôi đã đóng

như sau: lần thứ nhất là 3.000.000 đồng, lần thứ 2 là 2.800.000 đồng, lần thứ 3 là 2.600.000 đồng, tổng cộng 8.400.000 đồng.

Tổng cộng tôi đã đóng cho chị T 03 chân hụi với số tiền là 34.900.000 đồng.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc chị Đoàn Thị Phương T phải trả cho tôi số tiền nợ hụi là 34.900.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi suất.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Đoàn Thị Phương T trình bày: Tôi thừa nhận có nợ bà Phan Thị Ngọc V số tiền nợ hụi là 34.900.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế của tôi hiện nay rất khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hết số tiền nợ hụi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc V khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Đoàn Thị Phương T phải trả số tiền nợ hụi. Đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hụi” và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Xét nội dung tranh chấp:* Nguyên đơn chị V và bị đơn chị T xác định chị V có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ hụi, là hụi có lãi, hưởng hoa hồng, trong quá trình tham gia chơi hụi chị V đã đóng được cho chị T tổng số tiền là 34.900.000 đồng. Sau đó chị T tuyên bố bãi hụi, đến thời điểm hiện nay chị T chưa trả cho chị V số tiền nêu trên.

Nguyên đơn chị V khởi kiện yêu cầu bị đơn chị T trả số tiền nợ hụi là 34.900.000 đồng và chị T đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của chị V.

Xét thấy, việc tham gia chơi hụi giữa chị V với chị T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ hụi là 34.900.000 đồng; ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc V đối với chị Đoàn Thị Phương T. Buộc chị Đoàn Thị Phương T phải có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Ngọc V số tiền nợ hụi là 34.900.000 đồng.

[3] *Về thời gian trả nợ:* Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ hụi, nhưng nguyên đơn chị V không chấp nhận, yêu cầu chị T phải trả 01 lần số nợ trên. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp chị T có hoàn cảnh khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Buộc chị Đoàn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 34.900.000 đồng là: $34.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.745.000 \text{ đồng}$.

Chị Phan Thị Ngọc V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 872.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000272 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc V về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hui” đối với bị đơn chị Đoàn Thị Phương T.

- Buộc chị Đoàn Thị Phương T phải có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Ngọc V số tiền nợ hui là 34.900.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Đoàn Thị Phương T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.745.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Chị Phan Thị Ngọc V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 872.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000272 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THU IN

